TAND THÀNH PHỐ LAI CHÂU **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2020/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Lai Châu, ngày 04 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 11/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: chị Kim Thị Tuyết N, sinh năm 1981

Trú tại: Số nhà 025, đường T2, tổ 11, phường T, thành phố LC, tỉnh LC.

Bị đơn: anh Mạc Quang H, sinh năm 1976

Trú tại: Số nhà 025, đường T2, tổ 11, phường T, thành phố LC, tỉnh LC.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Kim Thị Tuyết Nh và anh Mạc Quang H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim Thị Tuyết N và anh Mạc Quang H đều thuận tình ly hôn.

- Việc nuôi con: chị Kim Thị Tuyết N và anh Mạc Quang H có 02 con chung, cháu Mạc Quang T, sinh ngày 14/7/2005 và cháu Mạc Bảo C, sinh ngày 24/6/2010. Chị N và anh H thỏa thuận như sau:

Chị Kim Thị Tuyết N là người được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là cháu Mạc Quang T, sinh ngày 14/7/2005 và cháu Mạc Bảo C, sinh ngày 24/6/2010 đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Mạc Quang H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con chung là cháu Mạc Quang T và cháu Mạc Bảo C số tiền 1.500.000 đồng/tháng/cháu (Hai cháu 3.000.000 đồng/tháng) đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 01 hàng tháng.

Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày 01/01/2021 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về lãi suất phát sinh đối với trách nhiệm dân sự do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, chị Nhung có đơn yêu cầu thi hành án, anh Hùng chưa thi hành được (không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc không đóng đầy đủ) thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Anh Mạc Quang H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn và không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

- Về chia tài sản: về tài sản chung chị Kim Thị Tuyết N và anh Mạc Quang H tự thỏa thuận, còn về nợ chung, cho vay chung anh Hùng và chị Nhung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Kim Thị Tuyết N và anh Mạc Quang H mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, anh H phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, chị N tự nguyện nộp thay anh H số tiền án phí mà anh H phải nộp, anh H nhất trí. Tổng cộng chị Kim Thị Tuyết N phải nộp là 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng. Xác nhận chị N đã nộp đủ số tiền án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2016/0000518 ngày 19/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- UBND phường Tân Phong, TP Lai Châu, tỉnh Lai Châu;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND TP Lai Châu;
- Chi cục THADS TP Lai Châu;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Nga